

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV22B2LX** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02230** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Tiếng anh chuyên ngành**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2254802033177	Nguyễn Xuân	An	28/11/2007			6	6.0	8.5		8.2		7.7
2	2254802033183	Nguyễn Gia	Hân	19/02/2007			3	8.0	8.0		5.0		5.8
3	2254802033186	Nguyễn Minh	Khôi	16/09/2007			9	9.0	9.0		8.0		8.4
4	2254802033187	Nguyễn Thành	Lâm	10/02/2007			9	9.0	8.0		8.4		8.5
5	2254802033189	Phan Thành Bảo	Lộc	20/09/2007			5	5.0	7.5		5.0		5.4
6	2254802033190	Trần Thị Xuân	Mai	15/06/2004			8	6.0	7.0		0.0		2.7
7	2254802033193	Lê Ngọc Phương	Nghi	16/04/2007			6	6.0	9.0		6.8		7.0
8	2254802033195	Nguyễn Thanh	Nhơn	11/03/2007			8	8.0	9.0		7.6		7.9
9	2254802033196	Nguyễn Quỳnh	Như	27/04/2007			5	5.0	5.0		0.0		2.0
10	2254802033197	Nguyễn Ngọc Tố	Quyên	25/07/2007			6	7.0	8.5		8.0		7.8
11	2254802033198	Huỳnh Lịch	Sử	22/06/2007			9	10.0	9.0		8.2		8.7
12	2254802033200	Dương Phước	Thiện	12/03/2007			6	8.0	6.0		5.0		5.7
13	2254802033201	Nguyễn Phú	Thọ	07/09/2007			5	5.0	7.0		9.0		7.7
14	2254802033202	Lê Huỳnh Anh	Thư	29/09/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
15	2254802033204	Ngũ Văn	Tòa	29/12/2007			8	9.0	8.5		8.4		8.5
16	2254802033207	Nguyễn Bình Thiên	Tường	26/08/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
17	2254802033209	Phan Thị Thủy	Vân	10/09/2007			5	5.0	7.5		5.0		5.4

Châu Đốc, ngày 22 tháng 2 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh